

Số: 313 /TB-BVND1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO

Danh sách dự kiến thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức năm 2019 tại Bệnh viện Nhi Đồng 1

Căn cứ Kế hoạch số 179/KH-BVND1 ngày 09/12/2019 của Giám đốc Bệnh viện Nhi Đồng 1 về việc tuyển dụng viên chức của Bệnh viện Nhi Đồng 1 năm 2019;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tuyển viên chức ngày 15/5/2020 về việc thông qua kết quả phỏng vấn sát hạch Vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức năm 2019 tại Bệnh viện Nhi Đồng 1;

Nay Bệnh viện Nhi Đồng 1 thông báo danh sách dự kiến thí sinh trúng tuyển và danh sách thí sinh không trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức năm 2019 như sau:

- Danh sách dự kiến thí sinh trúng tuyển và không trúng tuyển (đính kèm).
- Người dự kiến trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện như sau:
 - + Có kết quả điểm phỏng vấn đạt từ 50 điểm trở lên (đạt từ 50% điểm trở lên đối với từng phần phỏng vấn).
 - + Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm
- Kết quả phỏng vấn vòng 2, danh sách dự kiến người trúng tuyển được niêm yết công khai tại bảng thông báo và website bệnh viện Nhi Đồng 1 (<http://nhidong.org.vn>) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 20/5/2020.

Lưu ý: Không thực hiện việc phúc khảo đối với nội dung phỏng vấn.

Bệnh viện Nhi Đồng 1 thông báo đến các thí sinh được biết.

Thông tin chi tiết liên hệ: Phòng Tổ chức cán bộ, Bệnh viện Nhi Đồng 1
341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, TP.HCM

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đăng website bệnh viện;
- Lưu: VT, TCCB,
LNNH/03b



Nguyễn Thanh Hùng

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2019

(Đính kèm Thông báo số 313/TB-BVND1 ngày 19/5/2020 của Giám đốc Bệnh viện Nhi Đồng I)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
I	Vị trí: Bác sĩ hạng III: 65								
1	Biện Thị Bích Ngọc		10/10/1991	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	89,5	Đạt	
2	Bùi Lâm Ái Phương	20/10/1993		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	84	Đạt	
3	Cao Khánh Linh		06/01/1993	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	93	Đạt	
4	Châu Ngọc Hiệp	27/02/1991		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	80	Đạt	
5	Cù Phan Mộng Hiền		02/09/1993	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	74	Đạt	
6	Đặng Nguyễn Quỳnh Như		19/03/1994	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	80	Đạt	
7	Đặng Thế Phương	20/07/1985		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	69	Đạt	
8	Đỗ Minh Hùng	07/05/1989		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	95,5	Đạt	
9	Đoàn Bảo Duy	13/12/1993		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	70	Đạt	
10	Dương Minh Toàn	29/10/1988		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	85	Đạt	
11	Hà Trung Cường	30/06/1992		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	93	Đạt	
12	Kiều Thị Kim Hương		25/10/1985	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	97	Đạt	
13	Lê Hoàng Phương		04/01/1990	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	77,5	Đạt	
14	Lê Minh Cường	28/05/1991		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	95	Đạt	
15	Lê Minh Triết	26/09/1992		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	87,5	Đạt	
16	Lê Phước Huy	27/11/1994		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	93,5	Đạt	
17	Lê Thị Thanh Tâm		20/12/1986	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	84,5	Đạt	
18	Lê Trọng Nghĩa	05/10/1991		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	95	Đạt	
19	Mai Chí Lan		05/10/1987	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	80	Đạt	
20	Mai Hoàng Linh Sa		28/12/1983	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	98,5	Đạt	
21	Nguyễn Trần Quý Khon	04/04/1993		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	97	Đạt	
22	Nguyễn Đoàn Thu Hương		22/03/1993	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	85	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
23	Nguyễn Hà Giang		11/01/1990	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	69	Đạt	
24	Nguyễn Hoàng Phùng Hà		14/10/1989	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	97,25	Đạt	
25	Nguyễn Hữu Bảo Hân		17/09/1990	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	96	Đạt	
26	Nguyễn Lê Anh Tú	21/04/1990		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	94	Đạt	
27	Nguyễn Minh Trí	30/10/1991		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	94,5	Đạt	
28	Nguyễn Ngọc Phúc	01/11/1991		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	100	Đạt	
29	Nguyễn Ngọc Tường Vy		13/10/1995	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	80	Đạt	
30	Nguyễn Quang Phát	13/11/1994		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	85	Đạt	
31	Nguyễn Thị Thái Phiên		31/03/1979	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	83	Đạt	
32	Nguyễn Thị Thủy Tiên		15/04/1992	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	82,5	Đạt	
33	Nguyễn Thị Tô Thiên		23/04/1994	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	93	Đạt	
34	Nguyễn Tiến Khoa	17/11/1993		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	89	Đạt	
35	Nguyễn Trọng Nhân	06/12/1994		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	91,5	Đạt	
36	Nguyễn Vũ Nhật Linh		17/06/1992	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	98	Đạt	
37	Nguyễn Xuân Kim	18/05/1993		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	88	Đạt	
38	Nhâm Bá Duy	01/07/1992		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	75	Đạt	
39	Nhâm Hải Hoàng	11/10/1990		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	102,5	Đạt	
40	Phạm Thị Thanh Hằng		29/10/1992	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	89	Đạt	
41	Phạm Trung Tiến	20/04/1989		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	86,5	Đạt	
42	Phan Võ Hạnh Nguyên		03/09/1994	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	99,5	Đạt	
43	Tạ Hoàng Hồng Phương		05/11/1994	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	88	Đạt	
44	Tào Thị Hoàng Uyên		15/11/1990	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	80	Đạt	
45	Thái Ngọc Thành Đạt	06/06/1994		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	90,25	Đạt	
46	Thiếu Quang Đức	12/07/1994		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	82,5	Đạt	
47	Tô Vũ Thiên Hương		05/01/1988	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	84,5	Đạt	
48	Trần An Hải Đăng	04/04/1993		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	90	Đạt	
49	Trần Anh Duy	27/11/1993		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	97	Đạt	
50	Trần Kim Phú	13/10/1993		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	90	Đạt	
51	Trần Minh Dung		25/09/1990	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	96	Đạt	
52	Trần Minh Tấn	27/04/1971		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	87,5	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
53	Trần Thị Thủy Hằng		11/11/1993	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	90	Đạt	
54	Trần Uy Phong	22/09/1982		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	77	Đạt	
55	Trang Thị Hoàng Mai		05/12/1991	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	90	Đạt	
56	Triệu Thị Thanh Hằng		03/10/1994	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	90	Đạt	
57	Trịnh Kiên	27/08/1987		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	98	Đạt	
58	Trương Ánh Linh		23/10/1993	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	97,5	Đạt	
59	Trương Thị Mỹ Hoa		12/12/1994	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	95,5	Đạt	
60	Vân Thế Duy	08/07/1991		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	104,5	Đạt	
61	Vân Thị Bích Hương		11/12/1982	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	90	Đạt	
62	Vô Quốc Chuyển	06/12/1991		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	97,75	Đạt	
63	Vô Quốc Thắng	21/12/1988		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	85	Đạt	
64	Vũ Bảo Sơn	04/03/1992		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	101	Đạt	
65	Vũ Thị Hoa Đào		01/03/1981	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	96	Đạt	
II Vị trí: Điều dưỡng hạng III: 22									
1	Ao Việt Mỹ Phương		12/08/1995	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	95	Đạt	
2	Bùi Thị Phương Anh		26/12/1995	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	70	Đạt	
3	Châu Sơn Tùng	01/01/1992		Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	76	Đạt	
4	Đoàn Thị Thủy Hằng		28/10/1994	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50	Đạt	
5	Hồ Thị Ngọc Anh		14/10/1995	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	76	Đạt	
6	Huỳnh Thanh Trúc Đào		19/02/1996	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	85	Đạt	
7	Huỳnh Thanh Trúc Mai		19/2/1996	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	74	Đạt	
8	Lê Băng Thư		28/11/1994	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	82,5	Đạt	
9	Lê Thị Thu Trang		04/11/1984	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	100	Đạt	
10	Lê Thị Trâm		14/08/1993	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	55	Đạt	
11	Lương Sương Phê		11/04/1994	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	75	Đạt	
12	Nguyễn Đức Lân	21/04/1995		Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	95	Đạt	
13	Nguyễn Thị Hạnh		04/06/1986	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	72,5	Đạt	
14	Nguyễn Thị Ngọc		24/11/1992	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	52,5	Đạt	
15	Phạm Ngọc Bích Anh		19/7/1994	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	86	Đạt	
16	Phạm Thị Hiền		29/04/1994	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	57	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
17	Phạm Thủy Hằng		05/11/1988	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	95	Đạt	
18	Trần Thị Phi Phụng		16/04/1990	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	72,5	Đạt	
19	Trần Thị Xuân Thủy		30/12/1994	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	88	Đạt	
20	Trần Xuân Mai		07/01/1995	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	85	Đạt	
21	Trương Thị Hiền		29/08/1989	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	90	Đạt	
22	Vân Thị Xuân Hiền		22/11/1992	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	89	Đạt	
III Vị trí: Điều dưỡng hạng IV: 37									
1	Cao Thị Cẩm Giang		14/06/1990	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	81	Đạt	
2	Đinh Thị Hạnh		22/12/1982	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	60	Đạt	
3	Giản Thị Kim Ánh		31/05/1995	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	57	Đạt	
4	Hồ Thị Hồng Hà		13/03/1995	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	83	Đạt	
5	Hồ Thị Mỹ Lệ		20/04/1992	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	58	Đạt	
6	Huỳnh Thị Ngọc Giàu		01/06/1994	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	90	Đạt	
7	Huỳnh Thị Ngọc Hiền		13/04/1994	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	87	Đạt	
8	Huỳnh Thị Thu Vân		17/04/1985	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	90	Đạt	
9	Huỳnh Thị Xê		07/09/1990	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	85	Đạt	
10	Lê Hoàng Ngọc Hân		01/10/1995	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	70	Đạt	
11	Lê Nguyễn Thủy Dương		18/10/1993	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	78	Đạt	
12	Lê Thị Ái Tú		13/02/1994	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	70,5	Đạt	
13	Lê Thị Bích Ngọc		20/01/1989	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	87	Đạt	
14	Lê Thùy An		07/02/1992	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	74	Đạt	
15	Lý Ngọc Ánh		16/07/1985	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	84	Đạt	
16	Nguyễn Kiều Mí Sa		16/08/1992	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	67	Đạt	
17	Nguyễn Lê Thị Thanh Thủy		01/02/1991	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	71,5	Đạt	
18	Nguyễn Thị Ái Tiên		01/02/1996	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	87	Đạt	
19	Nguyễn Thị Cẩm Tú		08/12/1988	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	70	Đạt	
20	Nguyễn Thị Hải		21/10/1995	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	72	Đạt	
21	Nguyễn Thị Hương Lan		18/12/1991	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	80	Đạt	
22	Nguyễn Thị Kim Anh		27/03/1993	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	90	Đạt	
23	Nguyễn Thị Kim Thanh		29/07/1996	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	70	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
24	Nguyễn Thị Mỹ Linh		26/09/1987	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	73,5	Đạt	
25	Nguyễn Thị Phương Hiếu		29/07/1986	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	95	Đạt	
26	Nguyễn Thị Phương Nhi		09/04/1993	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	76	Đạt	
27	Nguyễn Thị Phương Thảo		17/05/1990	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	50	Đạt	
28	Nguyễn Thị Thủy		02/10/1986	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	75	Đạt	
29	Nguyễn Thị Tiên		08/02/1996	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	70	Đạt	
30	Phạm Bảo Anh	27/05/1993		Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	80,5	Đạt	
31	Phạm Thị Bích Diễm		11/02/1993	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	87,5	Đạt	
32	Phạm Thị Thủy Uyên		05/08/1993	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	81	Đạt	
33	Phan Quỳnh Tố Ngân		09/01/1996	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	70	Đạt	
34	Thái Quốc Anh		02/04/1979	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	65	Đạt	
35	Thái Tuấn Phú	09/05/1989		Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	55	Đạt	
36	Trương Mỹ Anh		11/05/1993	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	65	Đạt	
37	Võ Thị Hồng Gấm		01/01/1995	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	58	Đạt	
IV Vị trí: Kỹ thuật Y hạng III									
A Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu - PHCN: 01									
1	Huỳnh Thị Tam Nguyên		29/07/1996	KTV Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	100	Đạt	
B Kỹ thuật viên xét nghiệm: 08									
1	Dương Thị Thủy Trang		21/04/1996	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	99,5	Đạt	
2	Hoàng Thị Anh Ngọc		01/08/1996	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	81	Đạt	
3	Lâm Hoàng Anh	18/10/1988		KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	84	Đạt	
4	Lý Lệ Châu		30/11/1995	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	95,5	Đạt	
5	Nguyễn Hoàng Phương	13/04/1995		KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	93	Đạt	
6	Nguyễn Thị Thảo		05/05/1996	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	97	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
7	Nguyễn Thị Thủy Tiên		09/05/1991	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	87	Đạt	
8	Trần Công Dũng	20/10/1994		KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	93,5	Đạt	
C Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh X quang: 02									
1	Bạch Lê Thủy Ngân		24/03/1996	KTV CĐHA (X quang)	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	87	Đạt	
2	Phạm Thị Linh Phương		07/01/1996	KTV CĐHA (X quang)	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	100	Đạt	
V Vị trí: Kỹ thuật Y hạng IV									
A Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh X quang: 03									
1	Nguyễn Hoàng Việt	21/08/1992		KTV CĐHA (X quang)	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	75	Đạt	
2	Nguyễn Trần Khang		25/05/1992	KTV CĐHA (X quang)	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	87,5	Đạt	
3	Trần Hoàng Thạch	27/11/1995		KTV CĐHA (X quang)	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	85	Đạt	
B Kỹ thuật viên xét nghiệm: 03									
1	Huỳnh Tấn Dũng	31/10/1986		KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	93,5	Đạt	
2	Nguyễn Quốc Việt	12/02/1995		KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	90	Đạt	
3	Phạm Thị Diệu Hiền		16/06/1992	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	92	Đạt	
VI Vị trí: Dược lâm sàng: 06									
1	Huỳnh Thị Cẩm Tú		10/10/1985	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	70	Đạt	
2	Lê Thị Lưu Dung		02/01/1982	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	85	Đạt	
3	Nguyễn Hương Thảo		17/09/1994	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	74	Đạt	
4	Nguyễn Thanh Lan		12/04/1981	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	90	Đạt	
5	Nguyễn Thị Khánh Linh		01/09/1995	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	80	Đạt	
6	Phạm Bình Bảo Ngọc		01/09/1994	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	91	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
VII Vị trí: Kho và cấp phát: 07									
1	Bùi Đức Tính	09/10/1986		Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	84	Đạt	
2	Đào Anh Thuận	03/06/1993		Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	95	Đạt	
3	Đỗ Minh Trí	06/02/1988		Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	85	Đạt	
4	Nguyễn Hoàng Mỹ Linh		24/09/1994	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	85	Đạt	
5	Nguyễn Huy Bình	03/09/1984		Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	88	Đạt	
6	Nguyễn Thanh Tuyền		04/06/1991	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	77,5	Đạt	
7	Võ Thị Ngọc Hạnh		07/12/1981	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	65	Đạt	
VIII Kiểm soát nhiễm khuẩn: 01									
1	Nguyễn Thị Khánh Linh		30/10/1991	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	100	Đạt	
IX Vị trí: Quản lý chất lượng: 02									
1	Lê Thị Châu		10/12/1994	Quản lý chất lượng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	79	Đạt	
2	Phan Khánh Duy	31/10/1996		Quản lý chất lượng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	66,5	Đạt	
X Vị trí: Công tác xã hội									
A Công tác xã hội viên hạng III: 04									
1	Chu Văn Thành	26/05/1990		Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	65	Đạt	
2	Nguyễn Thanh Huy	15/10/1995		Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	67	Đạt	
3	Nguyễn Thị Cúc		19/09/1990	Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	94	Đạt	
4	Võ Thị Thanh Quí		20/02/1996	Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	95	Đạt	
B Nhân viên Công tác xã hội hạng IV (Chỉ tiêu: 01)									

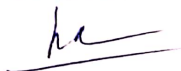
STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
1	Nguyễn Thị Hồng Luyến		27/10/1996	Công tác xã hội	Nhân viên công tác xã hội (hạng IV)	V.09.04.03	85	Đạt	
XI Vị trí: Dinh dưỡng lâm sàng: 00									
XII Vị trí: Dinh dưỡng tiết chế: 01									
1	Hồ Đỗ Diễm Thi		26/03/1991	Dinh dưỡng tiết chế	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	84	Đạt	
XIII Vị trí: Nhân viên quản lý chất lượng xét nghiệm: 01									
1	Bùi Thị Phương Khánh		07/10/1986	Nhân viên quản lý chất lượng xét nghiệm	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	76	Đạt	
XIV Vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ									
A Tổ chức nhân sự : 04									
1	Đặng Thị Thùy Nhung		14/08/1984	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	95,5	Đạt	
2	Lê Thùy		02/11/1978	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	90,5	Đạt	
3	Nguyễn Kim Phương Nga		23/10/1974	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	95,5	Đạt	
4	Trần Thị Ngọc Thảo		28/04/1997	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	97,5	Đạt	
B Quản trị công sở									
B.1 Chuyên viên: 04									
1	Bùi Thanh Tuấn	01/01/1977		Quản trị công sở	Chuyên viên	01.003	85	Đạt	
2	Bùi Thúy Loan		05/12/1994	Quản trị công sở	Chuyên viên	01.003	97,5	Đạt	
3	Kiều Ngọc Thanh Huyền		19/10/1993	Quản trị công sở	Chuyên viên	01.003	98	Đạt	
4	Vô Hoàng Quân	29/06/1990		Quản trị công sở	Chuyên viên	01.003	92	Đạt	
B.2 Kỹ thuật viên: 04									
1	Lê Đình Khâm	19/12/1989		Quản trị công sở	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	87	Đạt	
2	Nguyễn Thái Huy	16/06/1995		Quản trị công sở	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	88	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
3	Phạm Lê Trường An	04/09/1987		Quản trị công sở	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	85	Đạt	
4	Trương Lê Trường Hải	29/12/1981		Quản trị công sở	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	85	Đạt	
C Chuyên viên Tâm lý: 02									
1	Hoàng Dương	08/10/1982		Chuyên viên Tâm lý	Chuyên viên	01.003	80	Đạt	
2	Trần Ngọc Băng Tâm		13/09/1994	Chuyên viên Tâm lý	Chuyên viên	01.003	70	Đạt	
D Kế hoạch tổng hợp									
Chuyên viên: 02									
1	Đào Thị Diễm Phúc		03/09/1987	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	93	Đạt	
2	Khuông Thị Duy Lan		27/11/1988	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	95	Đạt	
E Nhân viên hỗ trợ hành chính									
E.1 Chuyên viên: 03									
1	Huỳnh Thị Minh Tâm		14/11/1986	Nhân viên hỗ trợ hành chính	Chuyên viên	01.003	81	Đạt	
2	Phạm Thị Thanh Ngân		25/07/1997	Nhân viên hỗ trợ hành chính	Chuyên viên	01.003	85	Đạt	
3	Trịnh Thị Kiều Phương		31/03/1991	Nhân viên hỗ trợ hành chính	Chuyên viên	01.003	81	Đạt	
E.2 Nhân viên: 00									
F Công nghệ thông tin:									
F.1 Chuyên viên: 00									
F.2 Kỹ thuật viên: 01									

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
1	Phạm Nguyễn Hoàng Danh	12/02/1988		Công nghệ thông tin	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	85	Đạt	
G	Hành chính tổng hợp: 01								
1	Huỳnh Phước Nhân	12/06/1987		Hành chính tổng hợp	Cán sự	01.004	82	Đạt	
H	Kế toán viên: 03								
1	Hồ Thị Phương Dung		11/06/1990	Tài chính kế toán	Kế toán viên	06.031	57,5	Đạt	
2	Ngô Huỳnh Ngọc Trần		19/12/1994	Tài chính kế toán	Kế toán viên	06.031	50	Đạt	
3	Phạm Phương Linh		31/08/1994	Tài chính kế toán	Kế toán viên	06.031	82	Đạt	
I	Kế toán viên trung cấp: 01								
1	Võ Ngọc Thu Anh		24/10/1996	Kế toán (thu viện phí)	Kế toán viên trung cấp	06.032	75,5	Đạt	

Tổng cộng danh sách: 189 người

Người lập bảng



Lê Nguyễn Nhật Hà



Nguyễn Thanh Hùng

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2019

(Đính kèm Thông báo số 313/TB-BVND 1 ngày 19/5/2020 của Giám đốc Bệnh viện Nhi Đồng 1)

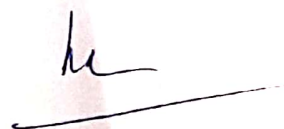
STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
Vị trí: Bác sĩ hạng III : 08									
1	Hứa Tấn An	15/09/1994		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	45	Không đạt	
2	Huỳnh Nguyễn Minh Thu		11/12/1995	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	42,5	Không đạt	
3	Huỳnh Thị Thúy Anh		03/03/1993	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	47	Không đạt	
4	Lương Việt Quang	22/11/1994		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	36,5	Không đạt	
5	Nguyễn Hoàng Thạch	16/12/1990		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	48	Không đạt	
6	Nguyễn Quỳnh Anh		29/11/1995	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	47	Không đạt	
7	Phạm Hoàng Thành	31/07/1989		Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	56,5	Không đạt	
8	Phạm Thị Thu Thủy		06/01/1995	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	32,5	Không đạt	
Vị trí: Điều dưỡng hạng IV: 01									
1	Phạm Thị Kim Ngân		08/09/1992	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	30	Không đạt	
Vị trí: Kỹ thuật Y hạng III (KTV xét nghiệm): 02									
1	Lê Thị Thanh Tuyền		21/11/1994	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	35,5	Không đạt	
2	Võ Nguyễn Hoàng Nhân		01/03/1994	KTV xét nghiệm	KTY hạng III	V.08.07.18	-	Không đạt	Vắng mặt
Vị trí: Kỹ thuật Y hạng IV (KTV xét nghiệm): 02									
1	Thái Thùy Dương		28/12/1994	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	43,5	Không đạt	
2	Trần Thị Thúy Triều		27/05/1995	KTV xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	42	Không đạt	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
Vị trí: Dược lâm sàng: 06									
1	Bùi Thị Yến Linh		18/10/1996	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	18	Không đạt	
2	Hà Lâm Thương		22/05/1996	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	65	Không đạt	
3	Lê Hữu Bảo Tràn		12/03/1993	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	39,5	Không đạt	
4	Lê Thị Thu Hoa		1987	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	12,5	Không đạt	
5	Phạm Phương Dung		01/08/1994	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	33	Không đạt	
6	Tô Kiều Thu Trang		21/09/1991	Dược lâm sàng	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	4	Không đạt	
Vị trí: Kho và cấp phát: 01									
1	Nguyễn Thị Hoàn Luy		20/04/1997	Kho và cấp phát	Dược hạng IV	V.08.08.23	48	Không đạt	
Vị trí: Quản lý chất lượng: 02									
1	Nguyễn Thị Bảo		01/10/1985	Quản lý chất lượng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	37	Không đạt	
2	Từ Thị Hường		05/10/1990	Quản lý chất lượng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	28,5	Không đạt	
Vị trí: Công tác xã hội viên hạng III: 02									
1	Trần Ngọc Khương	11/06/1989		Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	41	Không đạt	
2	Trịnh Thị Thu Trang		08/03/1995	Công tác xã hội	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	45	Không đạt	
Vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ									
Tổ chức nhân sự : 04									
1	Trần Phan Ngọc Hân		12/12/1996	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	30	Không đạt	

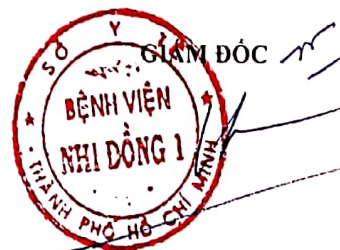
STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ	Vị trí đăng ký dự tuyển	CDNN tương ứng	Mã số CDNN tương ứng			
2	Trần Thị Hằng		19/05/1993	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	32,5	Không đạt	
3	Trần Thị Phương Thảo		03/08/1997	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	40	Không đạt	
4	Võ Hoàng Đăng Khoa	04/04/1995		Tổ chức nhân sự	Chuyên viên	01.003	31,5	Không đạt	
	Quản trị công sở								
	Chuyên viên: 01								
1	Nguyễn Hồng Phước	10/09/1989		Quản trị công sở	Chuyên viên	01.003	55	Không đạt	
	Chuyên viên Tâm lý: 02								
1	Lê Công Thành	02/03/1990		Chuyên viên Tâm lý	Chuyên viên	01.003	30	Không đạt	
2	Trần Hồng Tâm	20/07/1990		Chuyên viên Tâm lý	Chuyên viên	01.003	38	Không đạt	
	Kế hoạch tổng hợp								
	Chuyên viên: 01								
1	Trương Thị Thanh Thủy		21/12/1985	Kế hoạch tổng hợp	Chuyên viên	01.003	33	Không đạt	
	Công nghệ thông tin:								
	Chuyên viên: 01								
1	Nguyễn Công Thắng	06/09/1985		Công nghệ thông tin	Chuyên viên	01.003	52,5	Không đạt	
	Kế toán viên: 01								
1	Đào Thanh Long	27/04/1978		Tài chính kế toán	Kế toán viên	06.031	62	Không đạt	
	Kế toán viên trung cấp: 01								
	Trần Thị Hương Lan		13/10/1990	Kế toán (thu viện phí)	Kế toán viên trung cấp	06.032	50	Không đạt	

Tổng cộng danh sách: 35 người

Người lập bảng



Lê Nguyễn Nhật Hà



Nguyễn Thanh Hùng